

**CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ VÀ XÂY DỰNG LÊ ANH**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ VÀ XÂY DỰNG LÊ ANH

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: LE ANH CONSTRUCT AND MECHANICAL JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt:

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0107839990

**3. Ngày thành lập:** 11/05/2017

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Số 3, ngõ 104 Định Công, Phường Định Công, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0983 999 913

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                                                                                              | Mã ngành    |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 1.  | Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại                                                                                                                                                                                                                                           | 2592(Chính) |
| 2.  | Xây dựng nhà các loại                                                                                                                                                                                                                                                                  | 4100        |
| 3.  | Phá dỡ                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 4311        |
| 4.  | Lắp đặt hệ thống điện                                                                                                                                                                                                                                                                  | 4321        |
| 5.  | Lắp đặt hệ thống xây dựng khác                                                                                                                                                                                                                                                         | 4329        |
| 6.  | Vệ sinh nhà cửa và các công trình khác                                                                                                                                                                                                                                                 | 8129        |
| 7.  | Cho thuê xe có động cơ                                                                                                                                                                                                                                                                 | 7710        |
| 8.  | Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng<br>Chi tiết:<br>- Bán buôn tre, nứa, gỗ cây và gỗ chế biến<br>- Bán buôn xi măng<br>- Bán buôn gạch xây, ngói, đá, cát, sỏi<br>- Bán buôn kính xây dựng<br>- Bán buôn sơn, vécni<br>- Bán buôn gạch ốp lát và thiết bị vệ sinh | 4663        |
| 9.  | Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hoà không khí                                                                                                                                                                                                                        | 4322        |
| 10. | Cung ứng và quản lý nguồn lao động                                                                                                                                                                                                                                                     | 7830        |
| 11. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Xuất, nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh (Đối với các ngành nghề kinh doanh có điều kiện, Doanh nghiệp chỉ kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật)                     | 8299        |
| 12. | Sản xuất sắt, thép, gang                                                                                                                                                                                                                                                               | 2410        |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  |      |
|-----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 13. | Đúc sắt, thép                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 2431 |
| 14. | Rèn, dập, ép và cán kim loại; luyện bột kim loại                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 2591 |
| 15. | Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết:<br>- Bán buôn phân bón và sản phẩm nông hóa;<br>- Bán buôn chất dẻo dạng nguyên sinh;<br>- Bán buôn cao su;<br>- Bán buôn sợi dệt...;<br>- Bán buôn bột giấy;<br>- Bán buôn đá quý;                                                                                                               | 4669 |
| 16. | Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất<br>Chi tiết:<br>- Môi giới bất động sản<br>- Quản lý bất động sản<br>- Sàn giao dịch bất động sản<br>- Tư vấn bất động sản                                                                                                                                                                     | 6820 |
| 17. | Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan<br>Chi tiết: Bán buôn xăng dầu và các sản phẩm liên quan                                                                                                                                                                                                                                            | 4661 |
| 18. | Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                          | 4759 |
| 19. | Vận tải hàng hóa bằng đường bộ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 4933 |
| 20. | Cung ứng lao động tạm thời                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 7820 |
| 21. | Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh<br>Chi tiết:<br>- Bán lẻ kính xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh<br>- Bán lẻ xi măng, gạch xây, ngói, đá, cát sỏi và vật liệu xây dựng khác trong các cửa hàng chuyên doanh<br>- Bán lẻ gạch ốp lát, thiết bị vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh | 4752 |
| 22. | Vận tải hành khách đường bộ khác                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 4932 |
| 23. | Kho bãi và lưu giữ hàng hóa                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 5210 |
| 24. | Chuẩn bị mặt bằng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 4312 |
| 25. | Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 4390 |
| 26. | Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác<br>Chi tiết: Cho thuê máy móc, thiết bị xây dựng                                                                                                                                                                                                                                                             | 7730 |
| 27. | Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 2599 |
| 28. | Tái chế phế liệu<br>Chi tiết: Tái chế phế liệu kim loại;                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 3830 |

|     |                                                                                                                             |      |
|-----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 29. | Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ<br>Chi tiết:<br>- Xây dựng công trình đường sắt<br>- Xây dựng công trình đường bộ | 4210 |
| 30. | Xây dựng công trình công ích                                                                                                | 4220 |
| 31. | Hoàn thiện công trình xây dựng                                                                                              | 4330 |
| 32. | Bán buôn kim loại và quặng kim loại<br>Chi tiết:<br>- Bán buôn sắt, thép<br>- Bán buôn kim loại khác                        | 4662 |
| 33. | Sản xuất các cấu kiện kim loại                                                                                              | 2511 |
| 34. | Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác                                                                                  | 4290 |

**6. Vốn điều lệ:** 5.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần: 10.000 VNĐ/Cổ phần

**7. Số cổ phần được quyền chào bán:**

**8. Cổ đông sáng lập:**

| STT | Tên cổ đông  | Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức | Loại cổ phần      | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ) | Tỷ lệ (%) | Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập | Ghi chú |
|-----|--------------|--------------------------------------------------------------------------------------|-------------------|------------|-----------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| 1   | LÊ VĂN LƯƠNG | Xóm 3, đội 2, Xã Thuận Hưng, Huyện Khoái Châu, Tỉnh Hưng Yên, Việt Nam               | Cổ phần phổ thông | 340.000    | 3.400.000.000         | 68,000    | 033086000505                                                                                |         |
|     |              |                                                                                      | Tổng số           | 340.000    | 3.400.000.000         | 68,000    |                                                                                             |         |
| 2   | LÊ THANH TÂM | Xóm 10, Xã Đại Tập, Huyện Khoái Châu, Tỉnh Hưng Yên, Việt Nam                        | Cổ phần phổ thông | 80.000     | 800.000.000           | 16,000    | 145349538                                                                                   |         |
|     |              |                                                                                      | Tổng số           | 80.000     | 800.000.000           | 16,000    |                                                                                             |         |
| 3   | ĐÀO ĐỨC DIỆN | Xóm 3, đội 2, Xã Thuận Hưng, Huyện Khoái Châu, Tỉnh Hưng Yên, Việt Nam               | Cổ phần phổ thông | 80.000     | 800.000.000           | 16,000    | 145398769                                                                                   |         |
|     |              |                                                                                      | Tổng số           | 80.000     | 800.000.000           | 16,000    |                                                                                             |         |

**9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:**

| STT | Tên cổ đông | Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức | Loại cổ phần | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có) | Tỷ lệ (%) | Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức | Ghi chú |
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|

#### 10. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: LÊ VĂN LƯƠNG

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 25/01/1986

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 033086000505

Ngày cấp: 31/07/2015

Nơi cấp: Cục Cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Xóm 3, đội 2, Xã Thuần Hưng, Huyện Khoái Châu, Tỉnh Hưng Yên, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: Số 3, ngõ 104 Định Công, Phường Định Công, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội